

PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ CHỮ “VẠN”

Tóm tắt: Biểu tượng 卐 (âm Hán Việt đọc là “Vạn”) là một biểu tượng có ở nhiều tôn giáo trên thế giới, cũng như ở Việt Nam. Từ trước đến nay đã có nhiều kiến giải về biểu tượng này nhưng chưa có sự thống nhất. Bài viết này góp phần làm rõ hơn lịch sử ra đời và ý nghĩa của chữ “Vạn” trong Phật giáo nói chung và trong Phật giáo Việt Nam nói riêng.

Từ khóa: Phật giáo, Phật giáo Việt Nam, chữ Vạn, Svastika.

Chùa chiền ở Việt Nam từ Bắc chí Nam, từ xưa đến nay đâu đâu cũng có biểu tượng 卐. Âm Hán Việt gọi đó là chữ “Vạn”, Trung Quốc đọc là “Wan” (万), Nhật Bản cũng đọc là “Manji” (まんじ). Gọi là “chữ” nhưng thực ra không phải là “chữ” mà là một “biểu tượng”. Tiếng Anh gọi biểu tượng này là “Swastika”⁽¹⁾, có nguồn gốc từ tiếng Sanskrit là “Svastika”⁽²⁾, nghĩa là “cái tốt đẹp tồn tại”⁽³⁾. Cũng có ý kiến cho rằng, biểu tượng 卐 cũng chỉ là biểu tượng từ chữ “Thập” (十) ở Hy Lạp kéo dài thành một góc cùng hướng về bên phải⁽⁴⁾.

Thực ra, biểu tượng 卐 không phải chỉ có ở Phật giáo hay ở một vài tôn giáo khác như Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo, Jaina giáo, Cao Đài giáo, v.v... Khảo cổ học còn phát hiện biểu tượng này xuất hiện muộn nhất là ở thời đại đồ đá mới⁽⁵⁾ ở nhiều nền văn hóa khác nhau như Ấn Độ, Ba Tư, Slave, Hy Lạp... Ở Việt Nam, biểu tượng này thường thấy ở trang phục người Tày cùng với hình tượng Mặt Trời, chim muông, cỏ cây, hoa lá.

Từ chỗ biểu tượng này xuất hiện rất sớm và ở khắp mọi nơi như vậy, cho nên có nhà nghiên cứu cho rằng, đó chỉ là biểu tượng đơn giản được hình thành từ tập quán đan lát của con người cổ xưa. Những nhánh cây được đan chéo vào nhau để làm thành những vật dụng hằng ngày là tiền đề ra đời của biểu tượng này. Cũng có giả thuyết cho rằng, sớ dĩ có biểu tượng 卐 là do người nguyên thủy trong quá trình tạo ra lửa đã nghĩ ra. Lửa được tôn thờ thì hình tượng của nó cũng được xem là linh thiêng. Ngoài ra, biểu tượng này còn được xem là hình ảnh của Mặt Trời hoặc của nước... Nếu vậy, biểu tượng 卐 bắt nguồn từ lao động bình thường hằng ngày của con người. Ở Ấn Độ, biểu tượng Swastika có mặt khắp mọi nơi trong đời sống của người dân từ trang trí nhà cửa đến các nghi lễ cưới xin. Nhưng chính nó lại trở thành biểu tượng linh thiêng, được xem như là một trong 108 phù hiệu của thần sáng tạo Visnu, là tượng trưng cho Mặt Trời

* Nhà Nghiên cứu, Thành phố Hồ Chí Minh.

và lửa không thể thiếu cho cuộc sống. Swastika ngày xưa, ở bốn góc còn có bốn chấm nhỏ. Phải chăng bốn chấm nhỏ dùng để tượng trưng cho những gì dù lớn hay nhỏ đến đâu cũng không ra ngoài Swastika? Khảo cổ học Trung Quốc cũng tìm thấy ở thượng du sông Hoàng Hà (tỉnh Thanh Hải ngày nay) thuộc văn hóa Mã Gia Quật cuối thời kỳ đồ đá mới (3300 - 2050 trước Công nguyên), hơn 150 phù hiệu, trong đó có phù hiệu 卐. Người ta cho rằng, đó chỉ là ký hiệu dùng để ghi chép sự việc hằng ngày, không phải là biểu tượng tín ngưỡng.

Có vẻ lãng mạn hơn, Solomon Reinach không nhìn dưới đất mà nhìn lên trời. Theo ông, 卐 là hình tượng của con chim đang bay được cách điệu (oiseau stylisé). Carle Sagan trong tác phẩm *Sao Chổi* (Comet, 1985) lại vươn xa hơn khi cho rằng, đó là hình tượng của sao chổi đang vận động trong vũ trụ bao la. Những biểu tượng như “Bánh xe Mặt Trời” hay “Thái cực”⁽⁶⁾ ở Trung Quốc được xem như mô phỏng hình dạng vận hành của các tinh vân, có lẽ cũng được giải thích theo xu hướng đó.

Như vậy, phải chăng biểu tượng 卐 xuất hiện ngẫu nhiên, phổ biến ở khắp mọi nơi? Không phải ai cũng đồng tình với kiến giải này, cho nên vẫn có người tiếp tục đi tìm nguồn gốc xuất xứ của nó. “Swastika” có nguồn gốc từ tiếng Sanskrit là điều không ai có thể phủ nhận được. Vậy có thể từ tiếng Sanskrit lần ra được dấu vết ban đầu của nó?

Trong các bộ sử thi *Ramayana* và *Mahabharata* cách đây hơn bốn nghìn năm ở Ấn Độ đã đề cập đến “Swastika”. Bà La Môn giáo (Brahmanism) xem đó là biểu tượng của ánh sáng, sáng hơn cả Mặt Trời và cũng rất thiêng liêng, có thể phù hộ cho con người. Phật giáo xuất hiện sau đó (thế kỷ VI trước Công nguyên), tuy phủ định Bà La Môn giáo ở nhiều mặt, nhưng lại kế thừa biểu tượng Swastika. Phật giáo xem đó là biểu tượng của lửa, lửa có thể đốt cháy mọi thứ trên đời. Trí tuệ cũng có sức mạnh như lửa, cho nên gọi là “trí hỏa” “智火”. Lửa còn thiêu cháy mọi phiền não. Vào thời kỳ Đế chế Maurya (321 - 185 trước Công nguyên), biểu tượng 卐 của Phật giáo Ấn Độ rất được xem trọng và phổ biến khắp mọi nơi. Chùa, tháp ở vườn Lộc Uyển do vua Asoka xây dựng vẫn còn lưu giữ nhiều biểu tượng 卐. Nhiều kinh điển Phật giáo Ấn Độ như *Kim Cương bát nhã*, *Trường A Hàm*, *Thập địa kinh luận*,... đều ghi chép về biểu tượng này. Như vậy, biểu tượng Swastika đã có từ lâu và cũng đã trở thành biểu tượng quan trọng của Phật giáo, đến nỗi thiên hạ tưởng như biểu tượng này (卐) chỉ có ở Phật giáo.

Sanskrit là ngôn ngữ của người Aryan và cũng là ngôn ngữ quan trọng dùng để ghi chép kinh điển Phật giáo. Sanskrit là ngôn ngữ chủ yếu trong hệ thống ngôn ngữ Ấn - Âu (Indo - European), bao gồm 400 ngôn ngữ có cùng một nguồn gốc, trải dài từ Ấn Độ đến Tây Âu, từ Địa Trung Hải đến Bắc Âu. Nhánh lớn

nhất trong hệ thống ngôn ngữ này là Ấn - Iran, ngôn ngữ chính là Sanskrit. Người Aryan từ vùng Iran tràn xuống thôn tính Ấn Độ. Biểu tượng卐 được tìm thấy rất sớm trên những đồ gốm ở Iran, nơi mà nền văn hóa ở đó đã xuất hiện 3.000 năm trước văn minh Ai Cập. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà Hegel lại cho rằng, lịch sử loài người bắt đầu từ Iran⁽⁷⁾. Cho nên, nếu biểu tượng卐 được xem là của người Aryan cũng không phải là quá đáng. Vương Tích Xương trong *Khảo cứu nguồn gốc chữ卐* còn vẽ cả sơ đồ về hành trình này như sau: Đầu tiên là từ Tiểu Á Tế Á thuộc Aryan, truyền về hướng nam từ Ba Tư - Ấn Độ - Trung Quốc - Nhật Bản; hướng tây sang Âu Châu - Hy Lạp - Ý - Đức - Pháp - Đan Mạch - Na Uy - Thụy Điển - Anh; sau đó là Châu Phi - Châu Mỹ - Châu Úc.

Tuy nhiên, ý nghĩa biểu tượng chữ卐 của Phật giáo Ấn Độ ảnh hưởng nhiều nhất đến văn hóa các nước Phương Đông như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên, v.v... Phật giáo Ấn Độ truyền sang Tây Tạng gặp phải sự chống đối của "Bản giáo" (本教), tín ngưỡng bản địa của khu vực này. Bản giáo (Bön faith) Tây Tạng cũng có biểu tượng卐, được gọi là "Gyung drung", nghĩa là "vĩnh hằng, bất biến". Sau khi Phật giáo và Bản giáo thống nhất, biểu tượng卐 cũng được thống nhất sử dụng (quay về bên trái).

Phật giáo Ấn Độ và biểu tượng "Swastika" truyền bá sang Trung Quốc lúc đầu chưa có tên gọi, cũng như chưa có ý nghĩa rõ ràng. Cưu Ma La Thập (Kumarajiva, 344 - 413) và Huyền Trang dịch "Swastika" là "Đức" (德). Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci)⁽⁸⁾ dịch là "Vạn". Tuệ Uyển trong *Hoa Nghiêm âm nghĩa* (华严音义) nhận xét: "卐 vốn không phải là chữ Hán. Trường Thọ năm thứ hai đời Chu (693), (Võ Tắc Thiên) ban hành quy định gọi đây là chữ "Vạn", nghĩa của nó là kết tinh của năng lực trí tuệ (Vạn) và đức hạnh trong trời đất" (卐 bản phi Hán tự, Chu Trường Thọ nhị niên quyền chế thử văn âm chi vi Vạn, vị cát tường Vạn đức chi sở tập dã 卐本非汉字, 周长寿二年权制此文音之为万谓吉祥万德之所集也). Do đó, từ đời Đường về sau,卐 luôn được đọc là "Vạn" (万) với ý nghĩa tốt đẹp, may mắn. Tuy nhiên, cũng có ý kiến phản bác điều đó. Bởi vì, tra cứu kỹ trong *Tân Đường thư*, *Cựu Đường thư*, mục *Võ Hậu bản kỉ* không thấy ghi chép điều này. Ở bản tấu lên Võ Tắc Thiên đề nghị sửa đổi cách viết 12 chữ Hán cũng không thấy nói đến chữ "Vạn". Trong *Hoa Nghiêm kinh âm nghĩa, quyển Thượng* của Huệ Uyển, sau biểu tượng卐 không thấy ghi chép những chữ như đã nói ở trên. Hơn nữa, trong kinh tịch Phật giáo thời Nam - Bắc triều như *Thập địa kinh luận*, *Đại tát già ni can tử sở thuyết kinh* hay ở tượng đá thời Lương (513) cũng đã dùng chữ "Vạn" (万) để thay thế cho biểu tượng卐. Do đó,

theo Vương Tích Xương, biểu tượng 卐 không phải từ đời Đường mới quy định âm đọc là “Vạn”⁽⁹⁾.

Kinh tịch Phật giáo như *Đại Thừa nghĩa chương, Hoa Nghiêm kinh (Tân dịch Hoa Nghiêm kinh)*⁽¹⁰⁾, *Lăng Nghiêm kinh, Tổng cao tăng truyện, Trang Nghiêm kinh...* đều ghi chép biểu tượng 卐 với ý nghĩa tốt lành như: thanh tịnh, trang nghiêm, từ bi, trí tuệ, công đức viên mãn, v.v... Theo *Phật Quang đại từ điển*, trong *Hoa Nghiêm kinh* có 17 chỗ ghi chép về biểu tượng 卐, đối chiếu với tiếng Sanskrit có thể chia thành 4 loại:

1) *Srivas, Hoa Nghiêm kinh*, quyển 48 chép: “Trước ngực của Như Lai có biểu hiện tướng mạo phi phạm hình 卐, có nghĩa là cát tường như bể cả, mây trời (Như Lai hung ức hữu đại nhân tướng hình như 卐 danh cát tường hải vân, 如来胸臆有大人相形如 卐名吉祥海云).

2) *Nandyavarta, Hoa Nghiêm kinh*, quyển 27 chép: “Quay về bên phải, sáng sủa khắp nơi, chữ 卐 nghiêm chỉnh, đẹp đẽ (Kỳ phát hữu tuyên, quang minh nhuận trạch, 卐 tự nghiêm sức 其发右旋光明润泽卐字严饰).

3) *Svastika, Hoa Nghiêm kinh*, quyển 27 chép: “Cầu mong hết thảy chúng sinh tỏa sáng như, chữ này quay về bên phải” (Nguyện nhất thiết chúng sinh đắc như phát, loa văn hữu tuyên phát, 愿一切众生得如发螺文右旋发).

4) *Pumaghata, Hoa Nghiêm kinh*, quyển 27 chép: “Cầu mong chúng sinh như hình chuyển luân này, biểu hiện viên mãn và quay về bên phải. Cầu mong hết thảy chúng sinh giống như hoa sen như hướng quay của chữ 卐 (Nguyện nhất thiết chúng sinh đắc luân tướng chỉ chỉ tiết viên mãn hựu hướng hữu tuyên, nguyện nhất thiết chúng sinh đắc như liên hoa tự 卐 tuyên chỉ, 愿一切众生得轮相指节园满又向右旋愿一切众生得如莲花卐字旋指).

Tuy trong *Hoa Nghiêm kinh*, biểu tượng có 4 âm khác nhau, nhưng hầu như người ta chỉ nói đến mỗi “Swastika” mà thôi. Tuy nhiên, tất cả đều tượng trưng cho may mắn, tốt đẹp, mạnh mẽ, đức hạnh,... và thống nhất hướng quay về bên phải.

Thực ra cũng khó thống nhất biểu tượng “Swastika” nên quay về hướng nào. Biểu tượng này có từ lâu trước khi Phật giáo xuất hiện và cũng không thống nhất hướng quay. Ngay đến thế nào gọi là “phải” thế nào gọi là “trái” cũng không giống nhau. *Phật Quang đại từ điển* cho rằng, “trái” hay “phải” là căn cứ vào chủ thể nhận thức, tùy theo vị trí (lập trường chi sai dị) của chủ thể nhận thức để xác định “trái” hay “phải”. Có ý kiến ngược lại cho rằng, “trái” hay “phải” là căn cứ vào tượng Phật, nếu căn cứ vào “lập trường” của người quan sát thì sẽ phát

sinh tùy tiện, lộn xộn. Ngay ở điển tịch Phật giáo, biểu tượng chữ “Vạn” quay trái, quay phải không thống nhất. Cho nên, Huệ Lâm đời Đường trong *Nhất thiết kinh âm nghĩa* (一切经音义) đề nghị thống nhất biểu tượng chữ “Vạn” theo chiều quay bên phải (卐)⁽¹¹⁾. Nếu thống nhất theo hướng này, thì chữ “Thập ngoặc” của Đức Quốc Xã lại theo hướng quay ngược lại. Hơn nữa, trục của nó luôn nghiêng 45° chứ không thẳng đứng như “Swastika”. Nói đúng hơn, đây không phải là “biểu tượng” như “Swastika”, mà chỉ là kí hiệu của hai chữ S (SS) được rút gọn từ tên gọi của tổ chức Đức Quốc Xã “Schutzstaffel”, không liên quan gì đến “Swastika”, hay chữ “Vạn” cả⁽¹²⁾. Những gì ngược lại lẽ sống tự nhiên của con người, không sớm thì muộn cũng sẽ bị đào thải.

“Swastika” hay chữ “Vạn” tượng trưng cho thời gian và không gian. “Vạn” là từ chỉ số lượng xác định, nhưng lại trở thành không xác định. Nói đúng hơn, cái vô hạn nằm trong cái hữu hạn, cái không xác định cũng nằm ngay trong cái xác định. “Vạn” là tượng trưng cho những gì vĩnh cửu trong thời gian và vô hạn trong không gian. Phật giáo Nhật Bản cũng giải thích chữ “Vạn” theo hai hướng quay của nó. Hướng quay về “bên ngoài” (Omote manji): 卐 tượng trưng cho đức tính “nhân ái, từ bi” (仁爱, 慈悲 amour, compassion). Hướng quay về bên trong (Ura manji, gyako manji), 卐 tượng trưng cho “trí tuệ, năng lực” (智慧, 能力, sagess, énergie).

Biểu tượng chữ “Vạn”, cho dù quay trái 卐 hay quay phải 卐, trong hay ngoài, chỉ là hiện tượng (dụng), có thể thay đổi, còn về bản chất (thể) nói gì thì nói vẫn không thể thiếu hai đức tính: đạo đức và trí tuệ.

Ở Trung Quốc, cho dù Võ Tắc Thiên là người đầu tiên xem xét, chọn âm, nghĩa “Đức” hay là “Vạn” để trở thành chữ Hán, thì ở Việt Nam, người đầu tiên xưng đế (Lý Nam Đế) là Lý Bí (Lý Bôn) vào năm Giáp Tý (544), đã đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức. Nghĩa là đã bao gồm cả chữ “Vạn” và chữ “Đức”. Nếu đúng Võ Tắc Thiên là người đầu tiên quy định biểu tượng âm là “Vạn” (bao gồm cả “Vạn” và “Đức”), thì Lý Nam Đế đã thể hiện ý nghĩa của biểu tượng chữ “Vạn” trong đấu tranh dựng nước và giữ nước ở Việt Nam trước đó hơn 150 năm. Còn nếu chỉ là quy “công” cho Võ Tắc Thiên, thì “công” của Lý Bí cũng đâu có kém?

Ai cũng biết Lý Bí từ nhỏ đã được Thiền sư Pháp Tổ nuôi dưỡng ở chùa Linh Bảo (Hoài Đức, Hà Nội ngày nay). Như vậy, Hoàng đế đầu tiên của nhà nước độc lập đã biểu hiện sự thống nhất giữa “Đạo” và “Đời”. Nói cách khác, năng lực trí tuệ và đức hạnh từ bi là điều kiện không thể thiếu để hình thành nhà nước độc lập Vạn Xuân của dân tộc ta.

Swastika hay chữ “Vạn” có thể nhìn từ dưới đất hay trên trời, từ đời sống văn hóa, xã hội hay tín ngưỡng, tôn giáo, có thể tượng trưng cho mọi mong ước của con người. Nhưng ở Việt Nam, thuộc tính “Vạn” và “Đức” của biểu tượng 卐 đã trở thành tinh thần chủ đạo của dân tộc cũng như của Phật giáo Việt Nam.

Trí tuệ và đạo đức là vấn đề sống còn của nhân loại. Tuy nhiên, thế nào là trí tuệ, thế nào là đạo đức đâu phải trên đời này ai cũng hiểu như nhau. Ngay cả các tông phái của Phật giáo cũng chưa chắc ai đã chịu ai, nói chi đến các tôn giáo, các học thuyết như sao trên trời. Nhưng nói đi nói lại, Phật giáo vẫn là Phật giáo. Trí tuệ là vô giá, giống như ánh sáng Mặt Trời vậy, là lửa cần cho sự sống, là lửa đốt cháy mọi thứ cần đốt cháy. Nó có sức mạnh của tự nhiên, của vũ trụ sáng tạo ra sự sống. Không thể “ngộ” được nó với thái độ “cao ngạo”, “tự thị” gọi là “ngã mạn”, hay với phương pháp chủ quan gọi là “ngã chấp”. Tự mình ràng buộc lấy mình gọi là “ngã chấp”, tự mình bị ràng buộc bởi bên ngoài gọi là “pháp chấp”. Liệu có thể tìm thấy ở đây những gì để gọi mở cho giáo dục thế kỷ XXI hay không?

Đạo đức hay “cái thiện” cũng là vấn đề mà con người không thiếu. Đức hạnh nhân ái, từ bi của Phật giáo không phải xuất phát từ phủ định, mà chính là khẳng định sự sống. Vì sự sống của người khác có thể “bổ th” (hi sinh) cả sự sống của chính mình. Cho nên, “vô ngã”, “vị tha” là tiền đề không thể thiếu. “Thiếu” hay “Đủ” không chỉ ở lời nói, ở tuyên bố, mà còn ở hành động, ở việc làm. Phật pháp đương nhiên không phải chỉ có như vậy, nhưng trước hết phải là như vậy.

Chữ “Vạn” của nhà nước “Vạn Xuân”, chữ “Đức” của niên hiệu Thiên Đức” thời Lý Nam Đế là tiền thân của triều đại Lý - Trần sau này. Lý Công Uẩn, tác giả của Thăng Long nghìn năm, vốn xuất thân từ nhà chùa. Người nuôi dạy ông từ thuở nhỏ là Thiên sư Vạn Hạnh. “Vạn Hạnh” có nghĩa là “Vạn” và “Hạnh” (“Hạnh” cũng là “Đức”, đức hạnh). Nếu thực chất chữ “Vạn” là biểu tượng của đạo đức như Huệ Uyển nhận xét (“chữ “Vạn” thực ra là biểu hiện của đạo đức” 卐字乃是德者之相, 华严经音义) thì có thể không khó để lí giải tại sao Lý Công Uẩn lại ưa chuộng chữ “Đức” đến như vậy. Nhiều công trình, địa danh được ông đặt tên hoặc đổi tên là “Thiên Đức”. Chẳng hạn như cùng lúc đổi tên Đại La thành Thăng Long, đổi châu Cổ Pháp thành phủ Thiên Đức, sông Bắc Giang thành sông Thiên Đức, xây thành có bốn cửa, phía bắc là cửa Diệu Đức, v.v... Như vậy, Thăng Long là “kinh đô muôn đời” (Vạn), chẳng phải hội tụ cả “Vạn” và “Đức” đó sao? Theo Ngô Thì Sĩ, triều Lý là triều đại nhân đức, triều Trần là triều đại anh hùng. Thực ra “anh hùng” hay “hùng lực” là biểu hiện của trí tuệ, không phải ở triều Trần mới có. “Nhân đức” cũng không phải chỉ triều Lý mới có. Cả triều Lý và triều Trần đều có cả hai đức tính đó: đạo đức và trí tuệ!

“Vạn” và “Đức”, hay “năng lực trí tuệ” và “đức hạnh từ bi”, nói gọn hơn là “trí tuệ” và “đạo đức”, là ý nghĩa tập trung biểu tượng chữ “Vạn” của Phật giáo Việt Nam, và đó cũng chính là bản sắc văn hóa của dân tộc. Biểu tượng này xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam lúc nào, hiện nay cũng chưa có thể xác định được. Tuy nhiên, khai quật ở Chùa Đậu (cuối triều Trần đầu triều Lê) năm 2004 được xem là lần đầu tiên phát hiện di vật có hình 卐. Ngoài ra, biểu tượng này còn tìm thấy ở tượng Phật chùa Yên Lạc (Hà Tĩnh), ở trên tấm bia chùa Long Thủ (Đà Nẵng), dựng năm Thịnh Đức thứ 5 (1658) đời Lê Thần Tông. Sắc phong thời Quang Trung⁽¹³⁾ còn lưu giữ cũng được viền chung quanh bằng chữ “Vạn”, v.v... Chắc chắn, những biểu tượng “Swastika” hay chữ “Vạn” của văn hóa Phù Nam, ChamPa, Khmer ở Việt Nam đang chờ được phát hiện. Biểu tượng “Swastika” hay chữ “Vạn” trở thành biểu tượng trí tuệ và đạo đức của Phật giáo cũng như của dân tộc Việt Nam. Có lẽ những thời kỳ huy hoàng nhất trong lịch sử Việt Nam bao giờ cũng là thời kỳ mà Phật giáo đồng hành cùng với dân tộc, cũng như dân tộc đồng hành cùng với Phật giáo. /.

CHÚ THÍCH:

1. “Swastika” được dùng thay thế cho “Gammadion” của Hy Lạp vào năm 1971.
2. Còn gọi là “Suvastika”, “Svastica”.
3. Từ điển *Webster’s Third New International Dictionary of the English Language*: su: well; asti:being... the belief that it brings good luck.
4. Từ điển *Webster*: “A symbol or ornament in the form of a Greek cross with the end of the arms extended at right angles all in the same rotary direction”. Từ điển *Oxford English Dictionary* cũng cho rằng Swastika chỉ là chữ “Thập” (十) được phát triển thêm.
5. Cũng có người cho rằng, biểu tượng này được phát hiện ở hang động từ thời đồ đá cũ cách ngày nay 10.000 năm.
6. Khảo cổ học phát hiện biểu tượng “Bánh xe Mặt Trời” (Thái Dương luân 太阳轮) ở vùng đất Thục xưa (cổ Thục), tức Tứ Xuyên ngày nay, xuất hiện từ thời kỳ đồ đá mới. Có người cho rằng, đó là biểu hiện sùng bái Mặt Trời. Nhưng cũng có ý kiến ngược lại cho đó là biểu hiện lòng hận thù Mặt Trời vì lúc bấy giờ hạn hán liên miên. Cũng có nơi kết hợp biểu tượng “Swastika” với biểu tượng Thái cực. Thái cực cũng tượng trưng cho vũ trụ.
7. Chẳng biết lịch sử nhân loại nên bắt đầu từ Iran hay là từ Châu Phi?
8. Bộ Đề Lư Chi đến Lạc Dương (Trung Quốc) năm 502 thời Bắc Ngụy, dịch kinh Phật đến năm 535.
9. Xem: Vương Tích Xương, “Khảo cứu nguồn gốc biểu tượng 卐”
10. Gồm 80 quyển, 28 phẩm, gọi là *Bát thập Hoa Nghiêm* hay *Tân dịch Hoa Nghiêm kinh*, do Thục Xoa Nan Đà đời Đường dịch. Khác với *Cựu dịch Hoa Nghiêm kinh*, 60 quyển, 34 phẩm, do Phật Đà Bạt Đà La đời Đông Tấn dịch.
11. 卐 ở đây là quay theo chiều kim đồng hồ, thuận với chiều quay của các tinh tú trong vũ trụ (xem *Từ điển Webster*). Đại chính tạng Triều Tiên, Nhật Bản đều ngược lại.
12. Cũng có ý kiến cho rằng, Hitler muốn “kế tục truyền thống” gọi là “thượng đẳng” của “chủng tộc Aryan”. Bởi vì, “Swastika” liên quan nhiều đến tiếng Sanskrit, tiếng Sanskrit lại là sản phẩm của người Aryan.
13. Sắc phong của vua Quang Toản năm Cảnh Thịnh thứ nhất (1793) cho Mai Trung Thông, tại làng An Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, phát hiện tháng 8/2009.

VIETNAMESE BUDDHISM AND THE SYMBOL “卐”

The symbol 卐 (it is called “Van” in Sino-Vietnamese language) is used in many religions in the world as well as in Vietnam. In the past there were many explanation on this symbol but these were different from each others. This article helps us to know the history and significance of the symbol 卐 in Buddhism in general and Vietnamese Buddhism in particular

Key words: *Buddhism, Vietnamese Buddhism, the symbol 卐, Svastika*